

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2021

V/v tranh chấp về việc nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thiên Nga

Ông Vũ Văn Khang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp về việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Q B; nơi cư trú: Thôn B, xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn T H; nơi cư trú: Số 55/279 đường Đ, phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ dân sự về việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nguyên đơn ông Vũ Q B vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm thể hiện trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1988, ông Vũ Q B và bà Nguyễn T H chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Do không hiểu biết pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông B và bà H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 1992 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên ông B và bà H đã sống ly thân từ năm 1992, ông bà không còn liên quan về tình cảm cũng như kinh tế. Ông B đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống ông B và bà H có một con chung là Vũ Quý B A, sinh ngày 12/7/1990, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông B và bà H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông B là người cao tuổi nên đề nghị Tòa án miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn T H trong bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa có ý kiến như sau:

Bà H đồng ý với quan điểm của ông B về điều kiện và quá trình chung sống. Ông bà tự nguyện tìm hiểu từ năm 1988, ông bà chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Do không hiểu biết pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông B và bà H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 1992 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nên hai người đã sống ly thân từ năm 1992, ông bà không còn liên quan về tình cảm cũng như kinh tế. Bà và ông B chung sống với nhau là trái quy định của pháp luật nên bà đồng ý giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Vũ Q B.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có một con chung như ông B đã trình bày là Vũ Quý B A, sinh ngày 12/7/1990, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông Vũ Q B và bà Nguyễn T H là vợ chồng. Về con chung là Vũ Quý B A, sinh ngày 12/7/1990, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Ông B và bà H không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông Vũ Q B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng và thời hạn giải quyết vụ án:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về việc nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Nguyễn T H cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Vụ án thụ lý ngày 07/5/2021 đến ngày 04/6/2021 có Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn ông Vũ Q B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[4] Điều kiện và quá trình kết hôn như ông B, bà H đã trình bày, ông bà chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Do không hiểu biết pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn nên việc kết hôn giữa ông B và bà H không có giá trị pháp lý, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống chung giữa Bôn và bà H phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp, ông B và bà

H đã sống ly thân từ năm 1992 đến nay, nên ông B đề nghị được giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng và bà H cũng đồng ý. Tòa án xét thấy việc chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn của ông bà là không có giá trị pháp lý. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B: Không công nhận ông Vũ Q B và bà Nguyễn T H là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[5] Ông B và bà H có một con chung là Vũ Quý B A, sinh ngày 12/7/1990, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản:

[6] Ông B và bà H không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 5 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, ông Vũ Q B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Q B.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận ông Vũ Q B và bà Nguyễn T H là vợ chồng.

2. Về việc nuôi con:

Ông Vũ Q B và bà Nguyễn T H có một con chung là Vũ Quý B A, sinh ngày 12/7/1990, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản:

Ông Vũ Q B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Ông Vũ Q B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Ông Vũ Q B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn T H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Phương